TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnhphúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 6 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Phạm Tám

. Ông Đỗ Ngọc Qúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Huynh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Công T - sinh năm: 1988; hộ khẩu thường trú: Thôn XT 1, xã VH, huyện VH, tỉnh KH. Chỗ ở hiện nay: Thôn XN, xã XS, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Hữu T1 - sinh năm: 1984; trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VH, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 30 tháng 8 năm 2022, Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Công T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Công T và anh Võ Hữu T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2010 và đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 cấp ngày 22/4/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 6/2022 vợ chồng

đã mạnh ai nấy sống không ai quan tâm gì đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Hữu T1.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Võ Thị Yến N - sinh ngày 12/9/2009 và Võ Hữu Th - sinh ngày 26/3/2012, các con chung hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay khoản vay hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch huyện VN số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), mục đích vay để chăn nuôi bò sinh sản, chị T yêu cầu khi vợ chồng ly hôn mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số nợ trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Võ Hữu T1 đến Tòa để trình bày ý kiến về việc chị T khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của anh T, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1- hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn anh T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị T và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị Đinh Công T và anh Võ Hữu T1 là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 26,

ngày 22/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện VN, tỉnh KH nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T, biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh thì vợ chồng chị T, anh T1 hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh T1 đều không có mặt, chứng tỏ anh T1 không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 theo chị T trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 6/2022 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[3] Về con chung: Chị T, anh T1 có 02 (hai) con chung là Võ Thị Yến N - sinh ngày 12/9/2009 và Võ Hữu Th - sinh ngày 26/3/2012. Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Con chung hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung đều có yêu cầu được sống chung với mẹ vì vậy việc giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Vợ chồng chị T, anh T1 vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), Ngân hàng chính sách xã hội có đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022 yêu cầu chị T, anh T1 phải trả số tiền 50.031.507đ, trong đó tiền vay gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 28/11/2022 là 31.507đ (ba mươi mốt ngàn năm trăm lẻ bảy đồng). Tuy nhiên đến ngày 24/02/2023 người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch huyện VN có đơn đề ngày 24/02/2023 xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị T , anh T1. Xét thấy đơn xin rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội - phòng giao dịch huyện VN là hợp lệ và được Hội đồng xét xử cấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với chị Đinh Công T , anh Võ Hữu T1 về việc yêu cầu trả nợ tiền vay.

[6] Bị đơn anh T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và

cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh T1.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chị Đinh Công T được ly hôn với anh Võ Hữu T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Công T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là Võ Thị Yến N - sinh ngày 12/9/2009 và Võ Hữu Th - sinh ngày 26/3/2012 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị T, anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Công T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội về việc yêu cầu chị Đinh Công T và anh Võ Hữu T1 trả nợ tiền vay.

5. Về án phí: Chị Đinh Công T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003641 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ngân hàng chính sách xã hội không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không bồi hoàn.

6. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã VH;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án; - Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Hòa Thanh